|  |  |
| --- | --- |
| **Website VnTeach.Com**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ I**  **MÔN: HÓA 11** |

**A - PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1:** Cho công thức cấu tạo của  như sau:



Vậy công thức phân tử của chất  là

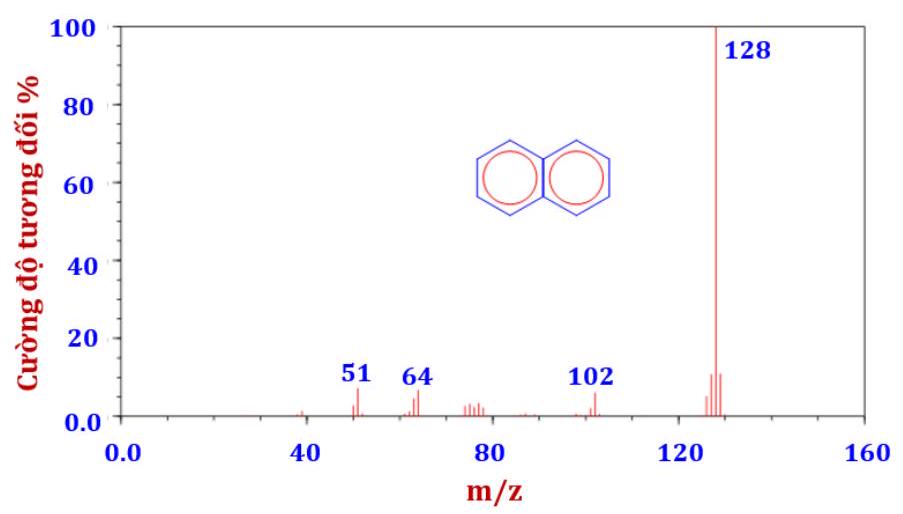
**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2:** Trong các dãy chất sau đây, dãy nào gồm các chất là đồng đẳng của nhau ?

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 3:** Cho biết phổ khối lượng (MS) của naphtalene như sau:



Phân tử khối của naphtalene là

**A.** 128 . **B.** 51 . **C.** 64 . **D.** 102 .

**Câu 4:** Sulfur dioxide thể hiện tính chất của một acidic oxide khi tác dụng với dung dịch nào sau đây?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 5:** Để biết rõ số lượng nguyên tử, thứ tự liên kết của các nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ người ta dùng công thức nào sau đây ?

**A.** Công thức đơn giản nhất. **B.** Công thức phân tử

**C.** Công thức tổng quát **D.** Công thức cấu tạo

**Câu 6:** Hiện tượng đồng phân trong hợp chất hữu cơ gây ra bởi nguyên nhân nào ?

**A.** Do phân tử khối bằng nhau

**B.** Do có cấu tạo hoá học khác nhau

**C.** Do có tính chất hoá học khác nhau.

**D.** Do số nguyên tử trong phân tử chất hữu cơ bằng nhau.

**Câu 7:** Muối  có tên là

**A.** Sodium sulfate. **B.** Sodium sulfide. **C.** Sodium sulfuric. **D.** Sodium sulfurous.

**Câu 8:** Trong dung dịch nitric acid (bỏ qua sự phân li của  ) có những phần tử nào?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 9:** Khi hoà tan  vào nước có cân bằng sau :  . Khi cho thêm  và khi cho thêm  loãng vào dung dịch trên thì cân bằng sẽ chuyển dịch theo chiều tương ứng là

**A.** nghịch và nghịch. **B.** thuận và thuận. **C.** thuận và nghịch. **D.** nghịch và thuận.

**Câu 10:** Chọn phát biểu đúng theo thuyết cấu tạo hóa học?

**A.** Trong hợp chất hữu cơ, carbon có hóa trị IV, nó có thể liên kết với nguyên tử nguyên tố khác và liên kết với nhau để tạo thành mạch carbon gồm: nhánh, không nhánh và vòng.

**B.** Trong hợp chất hữu cơ, nguyên tử carbon có hóa trị IV và chỉ có thể liên kết được với các nguyên tử carbon khác.

**C.** Trong hợp chất hữu cơ, nguyên tử carbon có hóa trị IV và chỉ có thể liên kết được với các nguyên tử nguyên tố khác.

**D.** Trong hợp chất hữu cơ, nguyên tử carbon có hóa trị IV và chỉ có thể liên kết được với các nguyên tử carbon khác để tạo thành mạch carbon gồm: nhánh, không nhánh và vòng.

**Câu 11:** Cho hỗn hợp các chất lỏng: Ethanol sôi ở , nước cất sôi ở  và acetic acid sôi ở . Có thể tách riêng các chất bằng phương pháp nào?

**A.** Thăng hoa **B.** Chưng cất **C.** Kết tinh **D.** Chiết

**Câu 12:** Dãy chất nào sau đây khi tan trong nước đều là chất điện li mạnh?

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây đúng về tính chất của  đặc ?

**A.**  không có tính oxi hoá lẫn tính khử.

**B.**  có tính acid và tính khử mạnh.

**C.**  có tính acid và tính oxi hoá mạnh.

**D.**  có tính acid, tính khử và tính oxi hóa mạnh.

**Câu 14:** Cho phản ứng thuận nghịch ở trạng thái cân bằng :



Cân bằng sẽ chuyển dịch theo chiều thuận khi :

**A.** Tăng áp suât. **B.** Loại bỏ hơi nước.

**C.** Tăng nhiệt độ. **D.** Thêm chất xúc tác.

**Câu 15:** Hiện tượng xảy ra khi cho giấy quỳ tím khô vào bình đựng khí ammonia là

**A.** giấy quỳ chuyển sang màu đỏ. **B.** giấy quỳ chuyển sang màu xanh.

**C.** giấy quỳ mất màu. **D.** giấy quỳ không chuyển màu.

**Câu 16:** Để tách các chất hữu cơ có hàm lượng nhỏ và khó tách ra khỏi nhau, người ta thường dùng phương pháp nào sau đây?

**A.** Phương pháp chưng cất. **B.** Phương pháp chiết.

**C.** Phương pháp kết tinh. **D.** Phương pháp sắc kí cột.

**Câu 17:** Trong phòng thí nghiệm, người ta thu khí nitrogen bằng phương pháp dời nước vì

**A.**  không duy trì sự sống, sự cháy.  **B.**  dễ hoá lỏng, hóa rắn ở nhiệt độ thấp.

**C.**  nhẹ hơn không khí.  **D.**  ít tan trong nước.

**Câu 18:** Tỉ khối hơi của chất  so với hydrogen bằng 30. Phân tử khối của  là

**A.** 74 . **B.** 44 **C.** 60 . **D.** 22

**Câu 19:** Người bị đau dạ dày thường bị dư thừa acid. Người bị đau dạ dày không nên sử dụng nhiều sản phẩm nào sau đây?

**A.** Sữa . **B.** Nước sô đa .

**C.** Nước tinh khiết . **D.** Nước chanh .

**Câu 20:** Kim loại nào sau đây không tác dụng với  đặc, nóng?

**A.** . **B.** Ag. **C.** Pt. **D.** Fe.

**Câu 21:** Nhận định nào sau đây đúng?

**A.** Cân bằng hóa học là cân bằng tĩnh.

**B.** Phản ứng một chiều không có hằng số cân bằng .

**C.** Hằng số cân bằng  càng lớn, hiệu suất phản ứng càng nhỏ.

**D.** Hằng số cân bằng  của phản ứng phụ thuộc vào nhiệt độ.

**Câu 22:** Sulfur thể hiện tính oxi hoá khi tác dụng với chất nào sau đây?

**A.** . **B.** Al. **C.**  đặc. **D.** .

**Câu 23:** Thành phần % về khối lượng  trong phân tử acetic acid  lần lượt là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 24:** Vị trí của nitrogen  trong bảng hệ thống tuần hoàn là

**A.** ô số 7 , chu kỳ 2 , nhóm VA. **B.** ô số 14 , chu kỳ 2, nhóm VA.

**C.** ô số 7 , chu kỳ 3 , nhóm IIIA. **D.** ô số 14 , chu kỳ 3 , nhóm IIIA.

**Câu 25:** Cho các phản ứng sau:

(a) 

(b) 

(c) 

(d) 

Có bao nhiêu phản ứng trong đó sulfur đóng vai trò là chất oxi hóa?

**A.** 2 . **B.** 3 . **C.** 4 . **D.** 1 .

**Câu 26:** Trong những cặp chất sau đây, cặp nào là đồng phân của nhau ?

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 27:** Cách pha loãng  đặc an toàn là

**A.** rót nhanh nước vào acid và khuấy đều.  **B.** rót từ từ nước vào acid và khuấy đều.

**C.** rót từ từ acid vào nước và khuấy đều.  **D.** rót nhanh acid vào nước và khuấy đều.

**Câu 28:** Phát biểu nào dưới đây là đúng?

**A.**  là chất khử mạnh, tính base yếu.  **B.**  có tính oxi hóa mạnh, tính base yếu.

**C.**  là chất oxi hóa mạnh, tính acid mạnh. **D.**  có tính khử mạnh, tính base mạnh.

**B - PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1.** (1 điểm)

Cho  một loại hợp chất oleum vào nước thu được  dung dịch . Để trung hoà  dung dịch  cần dùng  dung dịch . Xác định phần trăm về khối lượng của nguyên tố lưu huỳnh trong oleum trên.

**Câu 2.** (1 điểm)

Viết công thức cấu tạo thu gọn của các chất hữu cơ có công thức phân tử: .

**Câu 3:** (1 điểm)

Retinol và vitamin  có nguồn gốc động vật, có vai trò hỗ trợ thị giác của mắt. Để xác định công thức phân tử của các hợp chất này, người ta đã tiến hành phân tích nguyên tố và đo phổ khối lượng. Kềt quả khảo sát được trình bày trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hợp chất |  |  |  | Giá trị  của peak ion phân tử |
| Vitamin | 83,92 | 10,49 | 5,59 | 286 |

Hãy lập công thức phân tử của vitamin 

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **A** | **B** | **A** | **B** | **D** | **B** | **B** |
| **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **C** | **C** | **A** | **B** | **A** | **C** | **B** |
| **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** |
| **D** | **D** | **D** | **C** | **D** | **C** | **D** |
| **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **B** | **C** | **A** | **A** | **D** | **C** | **A** |